

**TÒA ÁN N DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022/DS-ST

Ngày: 10 - 01 - 2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng*”.

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Kiệt.

Các Hội thẩm N dân: Ông Trần Thanh Vũ; Bà Lê Thị Xuân Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án N dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Phụng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án N dân huyện Cờ Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 256/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2021 và Thông báo đưa vụ án ra xét xử số 256/2021/TBXXST - DS ngày 20 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần K.

Địa chỉ: 40-42-44 đường Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L. Chức vụ: Phó phòng Kinh doanh Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh C.

(Văn bản ủy quyền số 18/2019/UQ – CNCT ngày 17/3/2021).

Địa chỉ liên hệ: 38-40 Đại lộ H, quận N, TP. C.

(Có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Ông Võ Văn N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp ..., xã T, huyện C, TP. C.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Ngân hàng TMCP K có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn Liêm trình bày:

Vào ngày 09/12/2016, ông Võ Văn N có vay nợ của Ngân hàng TMCP K, với đề xuất vay vốn qua hình thức thẻ tín dụng, tại Ngân hàng TPCP K, theo Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K Bank số 0004/16/HĐTD/0400-04139, với nội dung như sau:

- Số tiền vay: 30.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Tiêu dùng;
- Thời gian vay: 36 tháng;
- Hình thức vay: Tín chấp;
- Lãi suất vay: 22%/năm;
- Lãi suất quá hạn: 3,5%/tháng;
- Phí phạt chậm trả: 3,5%/tháng x số tiền chậm trả;
- Phí vượt hạn mức: 0,075%/ngày;
- Hình thức thanh toán: Hàng tháng;
- Phương thức trả nợ: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm Thẻ tín dụng quốc tế;
- Điều kiện áp dụng: Theo quy định của Ngân hàng về sản phẩm Thẻ tín dụng quốc tế.

Quá trình sử dụng thẻ, ông Võ Văn N đã vi phạm hợp đồng. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở và ông N cũng có cam kết nhưng không thực hiện đúng cam kết. Tạm tính đến ngày 07/12/2021, ông Võ Văn N còn phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền cụ thể là:

Tiền nợ gốc chưa thanh toán: 29.610.342 đồng.

Lãi chưa thanh toán: 44.692.401 đồng.

Phí phạt chậm trả: 14.731.233 đồng.

Phí phạt vượt hạn mức: 9.105.549 đồng.

Tổng số tiền là: 97.779.525 đồng.

Do đó, Ngân hàng TMCP K buộc ông Võ Văn N trả số nợ tạm tính đến ngày 07/12/2021 là 97.779.525 đồng, cùng tiền lãi, phí, phạt phát sinh theo thỏa thuận trong Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K Bank số 0004/16/HĐTD/0400-04139 ngày 09/12/2016 đến khi thanh toán dứt nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ nhiều lần đối với ông Võ Văn N để làm việc, tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông N vắng mặt không lý do, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Ông Võ Văn N vắng mặt tại phiên tòa, nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Cờ Đỏ phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hồ sơ giao cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời gian quy định. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền và xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng*” là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Võ Văn N trả số tiền nợ cho nguyên đơn với tổng số tiền nợ tính đến ngày 07/12/2021 là 97.779.525 đồng (Tiền nợ gốc chưa thanh toán: 29.610.342 đồng; Lãi chưa thanh toán: 44.692.401 đồng, Phí phạt chậm trả: 14.731.233 đồng, Phí phạt vượt hạn mức: 9.105.549 đồng) cùng tiền lãi, phí phát sinh cho đến khi thanh toán dứt nợ theo hợp đồng do các bên đã thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng TMCP K khởi kiện ông Võ Văn N về việc đòi nợ theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng do các bên thỏa thuận. Nay, các đương sự có phát sinh tranh chấp nên xác định đây là “*Tranh chấp Hợp đồng thẻ tín dụng*”, bị đơn Võ Văn N có nơi cư trú tại địa bàn huyện Cờ Đỏ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân huyện Cờ Đỏ theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ đối với ông Võ Văn N, nhưng các đương sự vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của đương sự:

Ngân hàng TMCP K yêu cầu ông Võ Văn N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến ngày tổng số tiền nợ tính đến ngày tính đến ngày 07/12/2021 là 97.779.525 đồng (Tiền nợ gốc chưa thanh toán: 29.610.342 đồng; Lãi chưa thanh toán: 44.692.401 đồng, Phí phạt chậm trả: 14.731.233 đồng. Phí phạt vượt hạn mức:

9.105.549 đồng) cùng tiền lãi, phí phát sinh cho đến khi thanh toán dứt nợ theo hợp đồng do các bên đã thỏa thuận. Trên cơ sở là các tài liệu chứng cứ Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K Bank số 0004/16/HĐTD/0400-04139 ngày 09/12/2016, kèm Phụ lục 01 Bản chấp thuận về điều khoản và các điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K- các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), kèm theo giấy chứng minh N dân và sổ hộ khẩu của ông Võ Văn N.

Sau khi ký kết hợp đồng thì Ngân hàng đã giải ngân cho ông N số tiền vay là 30.000.000 đồng. Quá trình thực hiện nội dung hợp đồng đã ký, ông N đã thực hiện tổng cộng 62 lần giao dịch với tổng số tiền là 114.908.740 đồng, ông N đã thanh toán cho Ngân hàng được tổng cộng 43 lần với tổng số tiền là 85.298.398 đồng. Kể từ ngày 10/11/2019, ông N đến nay, ông N ngưng không thanh toán cho Ngân hàng. Do đó, ông N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên số tiền gốc vay đã chuyển quá hạn.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông N đến để làm rõ vụ án, nhưng ông N vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết, trong đó có tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng giao nộp. Xét các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng giao nộp đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xác định là chứng cứ. Theo các tài liệu chứng cứ do Ngân hàng cung cấp thể hiện ông N ký tên thực hiện giao dịch thẻ tín dụng tại Ngân hàng thông qua các thủ tục nêu trên là có cơ sở.

[4] Về mức lãi suất và phí thỏa thuận trong hợp đồng: Theo quy định khoản 2 Điều 19 Luật tổ chức tín dụng 2017 “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Mức lãi suất và phí được thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế do các bên tự nguyện thỏa thuận, ông N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay nên đã vi phạm Điều 4, 6 và 8 của Phụ lục 01 Bản chấp thuận về điều khoản và các điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K mà ông N đã ký. Nên ông N phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ còn thiếu cho phía Ngân hàng là có cơ sở, cụ thể:

Số tiền nợ tính đến ngày 07/12/2021 là 97.779.525 đồng (Tiền nợ gốc chưa thanh toán: 29.610.342 đồng; Lãi chưa thanh toán: 44.692.401 đồng, Phí phạt chậm trả: 14.731.233 đồng. Phí phạt vượt hạn mức: 9.105.549 đồng).

Ngoài ra, phía nguyên đơn còn yêu cầu ông N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán tiếp theo từ ngày 08/12/2021 theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi ông N thanh toán dứt nợ. Yêu cầu

này, là phù hợp với sự thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, nên có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông N phải chịu án phí là 4.888.000 đồng (tính tròn số), (97.779.525 đồng x 5%). Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí theo qui định. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp Dụng: Điều 91; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466, 468 Bộ Luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với ông Võ Văn N.

Buộc ông Võ Văn N trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền nợ tính đến ngày ngày 07/12/2021 là 97.779.525 đồng (Tiền nợ gốc chưa thanh toán: 29.610.342 đồng; Lãi chưa thanh toán: 44.692.401 đồng, Phí phạt chậm trả: 14.731.233 đồng. Phí phạt vượt hạn mức: 9.105.549 đồng).

Kể từ ngày 08/12/2021 cho đến khi thi hành án xong, ông Võ Văn N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K Bank số 0004/16/HĐTD/0400-04139 ngày 09.12.2016, kèm Phụ lục 01 Bản chấp thuận về điều khoản và các điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K.

Về án dân sự sơ thẩm: Ông Võ Văn N phải chịu 4.888.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Ngân hàng TMCP K nhận lại 1.640.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009031 ngày 13 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; ông Võ Văn N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quốc Kiệt